TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2019/DS-PT
Ngày: 25 - 7 - 2019.
V/v tranh chấp: Chia thừa kế + Tranh chấp quyền SDĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Ông Lại Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ng Tiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2018 /QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Ng đơn*: Cụ Lê Thị T1, sinh năm: 1909 (đã mất ngày 09-10-2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ng đơn:

1. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm: 1943.

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

2. Ông Phạm Tuấn Kh, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: số nhà 80 đường Q khu phố 3, phường 2 thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956; trú tại thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

5. Ông Phạm Minh T2, sinh năm 1958; trú tại tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh T2, sinh năm 1958; trú tại tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1943; trú tại tổ dân phố T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

2. Ông Phạm Tuấn Kh, sinh năm 1947; trú tại số nhà 80, đường Quang Trung, khu phố 3, phường 2, thành phố T, tỉnh T.

3. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1951; trú tại tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956; trú tại thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; trú tại tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

6. Anh Phạm Ng P, sinh năm 1984; trú tại số nhà 817 Trương Công Định, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

7. Chị Phạm Thị Ph, sinh năm 1986; trú tại khu phố 8, phường Phú Lợi, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

8. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1989; trú tại thôn Cầu Mái, xã Hiển Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

9. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định; địa chỉ: km số 8, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ng Nhiệm - Phó Trưởng phòng Phòng tài nguyên và môi trường huyện M.

(Theo giấy ủy quyền ngày 03 tháng 5 năm 2018).

- ***Người kháng cáo:*** ông Phạm Minh T2, bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2016 và các lời khai Ng đơn là cụ Lê Thị T1 trình bày: Cụ có quyền sử dụng 595m^2 đất, trong đó có 265m^2 đất ở và 330m^2 đất vườn thuộc tờ bản đồ số 23 thửa số 69 và 975m^2 ao nuôi cá thuộc tờ bản đồ số 22 thửa số 24 bản đồ địa chính xã M, huyện M năm 1997. Diện tích đất ở, vườn, ao này có nguồn gốc của ông cha để lại cho chồng cụ T1 là cụ Phạm Uyên, cụ Uyên chết năm 1978, nay thuộc quyền sử dụng của cụ. Cụ còn được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn là 882m^2. Vì già yếu nên cụ để lại cho con trai út là ông Phạm Minh T2 sử dụng đất vườn, ao và đất nông nghiệp chứ không cho. Cụ sống cùng với vợ chồng ông T2, hàng năm cụ vẫn phải nộp các khoản thuế, quỹ cho Nhà nước, đến năm 2005 cụ tách ra ở riêng. Trong quá trình sử dụng, ông T2 đã tự ý làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Minh T2, việc này cụ không biết. Đến năm 2015, vợ chồng ông T2 và bà Mai được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Minh T2, trong gia đình mâu thuẫn, vợ chồng ông T2 và bà Mai sang nhà cụ đập phá và đuổi cụ. Sự việc đã nhờ Uỷ ban nhân dân thị trấn M hoà giải, tách đất với hộ ông T2 để sống yên ổn nhưng không thành. Trong quá trình sử dụng, năm 2011 do cần tiền để làm nhà ở riêng và chi dùng cá nhân cụ đã bán cho ông Phạm Văn Đản và vợ chồng ông Trần Đình Hải và bà Lê Thị Hương mỗi bên với diện tích là 90m^2 đất ao. Nay cụ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 652009 đối với phần đất ở, đất vườn tạp và ao nuôi cá được Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Phạm Minh T2 ngày 26 tháng 8 năm 1999, vì cấp không đúng đối tượng. Buộc hộ ông T2 phải trả lại cho cụ toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn, ao và đất nông nghiệp mà hiện tại hộ ông T2 đang sử dụng, gồm 595m^2 đất ở và đất vườn tạp thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 69 và 975m^2 ao nuôi cá thuộc tờ bản đồ số 22 thửa số 24 bản đồ địa chính xã M, huyện M năm 1997 và 882m^2 đất nông nghiệp. Phần diện tích đất ở, đất vườn và ao nay cùng thuộc tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính thị trấn M, huyện M năm 2011, trong đó 595m^2 đất ở và đất vườn thuộc thửa số 187 và 975m^2 ao thuộc các thửa từ số 190 đến 194.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 09 tháng 10 năm 2017 cụ Lê Thị T1 chết.

* Bị đơn là ông Phạm Minh T2 trình bày: Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T1 vì phần đất ở, đất vườn và ao đó là tài sản của ông cha để lại cho bố ông là cụ Uyên, mẹ ông là cụ T1 không được hưởng. Nay đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông. Đối với phần đất nông nghiệp tiêu chuẩn của cụ T1, cụ T1 đã cho vợ chồng ông nên ông không đồng ý trả lại. Đối với phần ao nuôi cá đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đản và vợ chồng ông Trần Đình Hải, bà Lê Thị Hương mỗi bên với diện tích là 90m^2 rồi thì không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mai (là vợ của ông T2) trình bày: bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông T2.

Bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Tuấn Kh, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H đều xác nhận: về nguồn gốc của đất ở, đất vườn và ao nuôi cá là do ông, cha để lại.

Bà Ng, bà H, bà Th xác định đây di sản của cụ Uyên để lại nên đề nghị Tòa án chia thừa kế phần di sản này cho các thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với phần ao nuôi cá đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đản và vợ chồng ông Trần Đình Hải, bà Lê Thị Hương mỗi bên với diện tích là 90m^2 rồi thì không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 17 tháng 10 năm 2017, ông Phạm Tuấn Kh có quan điểm: đề nghị Tòa án giao phần di sản của ông nếu được hưởng theo pháp luật cho ông Phạm Minh T2 sử dụng vào việc thờ cúng ông bà tổ tiên, xây dựng, tôn tạo mồ mả, nghĩa trang gia tộc.

Ông Phạm Văn Đản trình bày: vào năm 2011, ông có mua của cụ T1 và ông T2 90m^2 ao với giá tiền là 125.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Hiện tại diện tích ao này vẫn còn Ng trạng, nếu bên phía gia đình cụ T1 đòi lại thì ông Đản đồng ý trả lại và phải hoàn trả lại cho ông số tiền đã mua.

Đối với anh Phạm Ng P, chị Phạm Thị Ph, chị Phạm Thị Ng, vợ chồng ông Trần Đình Hải và bà Lê Thị Hương trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Theo công văn số 250/UBND-TNMT ngày 07 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện M có ý kiến: Với diện tích 265m^2 đất ở thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 23 cấp cho hộ ông Phạm Minh T2 là đúng trình tự, thủ tục theo đúng hướng dẫn của Sở địa chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng đối với diện tích đất 330m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 23; 975m^2 ao nuôi cá thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 22 và 4.604m^2 đất lúa do tổ dân phố Nam Lê Xá được tách ra từ xã M, tài liệu lưu trữ về đất đai bị thất lạc nên Ủy ban nhân dân huyện M chưa có căn cứ để trả lời về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 28-5-2018 của Toà án nhân dân huyện M đã quyết định:

Áp dụng các khoản 5 và 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các Điều 166, 623, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Luật Đất đai năm 1993; khoản 7 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị T1 về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện.

Huỷ một phần Quyết định số 518/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 1999 của Uỷ ban nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Minh T2; huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 652009 đối với phần đất ở, đất vườn tạp và ao nuôi cá được Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Phạm Minh T2 ngày 26 tháng 8 năm 1999.

2. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị T1 về việc tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp đất đai.

Buộc hộ gia đình ông Phạm Minh T2 có nghĩa vụ trả lại cho người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T1 (gồm bà Ng, ông Kh, bà Th, bà H, ông T2) quyền sử dụng 154,58m^2 đất ở, 172,66m^2 đất vườn thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 69 và 463,75m^2 ao nuôi cá, thuộc tờ bản đồ số 22 thửa số 24 bản đồ địa chính xã M năm 1997 (nay thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 187 và từ thửa số 190 đến 194 bản đồ địa chính thị trấn M lập năm 2011), tại tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Buộc hộ gia đình ông Phạm Minh T2 có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị Th 22,04m^2 đất ở và 24,66m^2 đất vườn thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 69 bản đồ địa chính xã M năm 1997 (nay thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 187 bản đồ địa chính thị trấn M lập năm 2011), tại tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Giao cho ông Phạm Minh T2 được quyền sử dụng 88,32m^2 đất ở, 98,64m^2 đất vườn thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 69 và ao là 331,25m^2 thuộc tờ bản đồ số

22 thửa số 24 bản đồ địa chính xã M năm 1997 (nay thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 187 và từ thửa số 190 đến 194 bản đồ địa chính thị trấn M lập năm 2011), tại tổ dân phố Nam Lê Xá, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Tách một phần đất vườn diện tích là 34m^2 để làm ngõ đi chung.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo bản án).

Buộc hộ ông Phạm Minh T2 có nghĩa vụ trả lại cho người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T1 (gồm bà Ng, ông Kh, bà Th, bà H, ông T2) 669,83m^2 đất nông nghiệp, theo bản đồ dồn điền năm 2013 tờ số 19, thửa số 282, thửa phụ số 2 và thửa 288, thửa phụ số 5 tại xứ đồng Con Nhạn.

Ông Phạm Minh T2 có nghĩa vụ trả chênh lệch giá trị tài sản được hưởng là 292,23m^2 đất ở, đất vườn và ao, cụ thể: Ông T2 trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền 14.546.250 đồng, trả cho bà Phạm Thị Th số tiền 4.968.750 đồng, trả cho bà Phạm Thị H số tiền 14.546.250 đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Buộc ông Phạm Minh T2 phải hoàn trả lại cho người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T1 số tiền là 2.202.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Th và bà Phạm Thị H mỗi người phải hoàn trả lại cho người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T1 số tiền là 1.101.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

- ***Ngày 06-6-2018, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Th có kháng cáo với nội dung:*** Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 28-5-2018 của Toà án nhân dân huyện M. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án.

- ***Ngày 11-6-2018, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng có kháng cáo bổ sung với nội dung:*** không nhất trí với quyết định của Toà án sơ thẩm về việc đã chia thừa kế cho các bà nhưng trả cho các bà bằng tiền. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chia bằng hiện vật là đất ao và đất vườn cho các bà nhưng cộng dồn vào và chia liền cho 03 chị em gái là Ng, H, Th vào một mảnh, loại nào cũng được nhưng liền với nhau. Đề nghị chia thừa kế của mẹ là cụ Lê Thị T1.

- ***Ngày 03-7-2018, bà Nguyễn Thị Mai và ông Phạm Minh T2 có kháng cáo với nội dung:*** Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 28-5-2018 của Toà án nhân dân huyện M. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án, giữ Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 652009

ngày 26/8/1999 do UBND huyện M cấp. Công nhận diện tích 975m^2 ao thuộc tờ bản đồ số 22 thửa số 24; 265m^2 đất và 330m^2 đất vườn tạp thuộc tờ bản đồ số 23 thửa số 69 xã M, huyện M, tỉnh Nam Định là cấp cho hộ gia đình ông gồm: ông là Phạm Minh T2, vợ ông là Nguyễn Thị Mai cùng các con là Phạm Ng P, Phạm Thị Ph và Phạm Thị Ng. Công nhận diện tích đất trồng lúa 669,83m^2 theo bản đồ dồn điền đổi thửa năm 2013 tờ bản đồ số 19 các thửa 282, 288 tại xứ đồng Con Nhạn là của hộ gia đình nhà ông. Với lý do: cụ T1 không biết chữ, đã cho các con các cháu bằng miệng rồi. Các anh chị lập gia đình và đi làm ăn xa, cuộc sống đã ổn định còn gia đình ông bà đã ở và chăm lo cuộc sống cho cụ T1 vì cụ T1 tuổi đã cao, gia đình ông đã đóng tất cả các khoản thuế nghĩa vụ cho Nhà nước.

Ngày 06-7-2018, bà Phạm Thị Th có kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị Toà án chia thừa kế phần đất cho bà thì giữ Ng phần nơi bà đã làm nhà ở còn phần đất ao được chia thì bà không đồng ý nhận bằng tiền mà đề nghị chia cho 03 chị em gái là bà với bà Ng, bà H liền nhau.

- Ngày 03-7-2018, anh Phạm Ng P, chị Phạm Thị Ph có kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 28-5-2018 của Toà án nhân dân huyện M.

Tại phiên tòa:

- Bà Phạm Thị Th trình bày: Bà vẫn giữ Ng nội dung, yêu cầu kháng cáo. Phần đất mà chị em đang tranh chấp là của cha ông để lại. Nay bố mẹ đã mất, bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chia tài sản của bố mẹ cho bà được nhận sử dụng bằng hiện vật chứ không nhận bằng tiền.

- Bà Phạm Thị H trình bày: Bà vẫn giữ Ng nội dung, yêu cầu kháng cáo. Mẹ mất có để lại di chúc nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho chị em bà.

- Ông Phạm Minh T2, bà Nguyễn Thị Mai trình bày: Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm của Toà án huyện M vì đất đã cấp cho gia đình ông bà. Do mẹ đã cho ông bà nên ông bà mới được cấp giấy chứng nhận. Ông bà không nhất trí chia đất như án sơ thẩm và theo như ý kiến của bà Th, bà H.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật về phiên toà phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có căn cứ xác định 595m^2 đất ở và đất vườn tạp thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 69 và 975m^2 ao nuôi cá thuộc tờ bản đồ số 22 thửa số 24 là tài sản

chung của vợ chồng cụ Uyên và cụ T1. Cụ Uyên chết không để lại di chúc nên phần di sản của cụ Uyên để lại được chia theo pháp luật, chia cho cụ T1 và 5 người con. Kháng cáo của ông T2, bà Mai không có cơ sở.

Căn cứ thực tế, nhu cầu của các thừa kế về việc sử dụng đất, cụ T1, ông T2 và bà Th đã được chia bằng hiện vật còn bà Ng, bà H đã có nơi ở ổn định nên được chia bằng tiền. Phần của bà Ng, bà H và phần ao của bà Th giao cho ông T2 sử dụng ông T2 có nghĩa vụ trả chênh lệch cho bà Ng, bà Th, bà H là phù hợp. Yêu cầu được nhận bằng hiện vật, chia liền một mảnh cho 3 chị em là không có cơ sở. Kháng cáo về việc đề nghị tiếp tục chia di sản thừa kế của cụ T1 theo di chúc không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, bác đơn kháng cáo của ông T2, bà M, bà Th, bà Ng, bà H giữ Ng bản án sơ thẩm.

Về án phí: đương sự phải nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03-7-2018 Toà án nhân dân huyện M nhận được đơn kháng cáo của anh Phạm Ng P và chị Phạm Thị Ph. Ngày 16-7-2018, Toà án cấp sơ thẩm đã gửi thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho anh Phạm Ng P và chị Phạm Thị Ph. Theo phiếu báo phát thể hiện anh Phạm Ng P đã được giao giấy báo của Toà án nhân dân huyện M do người nhận ký tên "Tú" vào ngày 19-7-2018. Tuy nhiên, hết thời hạn theo như thông báo số 66/TB-TA và thông báo số 67/TB-TA ngày 04-7-2018 của Toà án nhân dân huyện M nhưng anh Phạm Ng P và chị Phạm Thị Ph đã không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cũng như biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm về cho Toà án. Căn cứ Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự, được coi là anh Phạm Ng P và chị Phạm Thị Ph đã từ bỏ việc kháng cáo.

Toà án nhân dân tỉnh Nam Định đã nhiều lần gửi giấy triệu tập hợp lệ đối với ông Phạm Tuấn Kh, anh Phạm Ng P, chị Phạm Thị Ph, chị Phạm Thị Ng (là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Nhưng ông Kh, anh P, chị Ng, chị Ph vẫn vắng mặt không có lý do. UBND huyện M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bà Phạm Thị Ng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định :

Cụ Phạm Uyên và cụ Lê Thị T1 (tên gọi khác Trần Thị T1) có 5 người con, gồm: ông Phạm Tuấn Kh, ông Phạm Minh T2, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Ng.

Cụ Uyên mất năm 1978, không để lại di chúc. Cụ T1 mất ngày 09/10/2017.

Uỷ ban nhân dân thị trấn M xác nhận: cụ Lê Thị T1 sinh năm 1909 và còn có tên gọi khác là Trần Thị T1.

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận, nguồn gốc đất tranh chấp gồm diện tích đất ở, đất vườn và đất ao là của ông cha để lại cho vợ chồng cụ Uyên và cụ T1 sử dụng. Diện tích đất ở là 265m^2, diện tích đất vườn là 330m^2, diện tích đất ao là 975m^2.

Về diện tích đất nông nghiệp: Cụ T1 có yêu cầu vợ chồng ông T2 trả lại 832m^2 đất nông nghiệp. Ông T2, bà Mai cho rằng phần đất nông nghiệp cụ T1 đã cho vợ chồng ông bà sử dụng từ lâu rồi nên vợ chồng ông bà không trả lại. Theo cung cấp của UBND thị trấn M, vào năm 1992 chia lại đất nông nghiệp, mỗi khẩu tại tổ dân phố Nam Lê Xá được quyền sử dụng 1 sào 14 thước và 72m^2 đất mạ. Thời điểm chia ruộng, cụ T1 cùng hộ khẩu với gia đình ông T2 nên ruộng tiêu chuẩn của cụ T1 nằm trong cùng với hộ ông T2. Năm 2005 cụ T1 mới tách hộ riêng nhưng chưa tách đất. Năm 2014 dồn điền đổi thửa, diện tích đất nông nghiệp hộ ông T2 đang sử dụng là 3.689m^2. Quá trình sử dụng, có việc hiến vào chùa 150m^2; giải phóng mặt bằng làm đường sắt lấy 428m^2; góp làm giao thông, thuỷ lợi 232m^2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản lấy lời khai; Biên bản hoà giải ngày 21-11-2017 bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Th đều có quan điểm đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ theo pháp luật, một suất đất nông nghiệp của cụ T1 đề nghị chia đều cho 5 anh em. Đơn kháng cáo bổ sung của bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H cũng có quan điểm đề nghị Toà án xem xét chia di sản thừa kế của bố mẹ theo pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H giữ Ng nội dung kháng cáo. Bà Phạm Thị Th đề nghị Toà án xem xét chia di sản thừa kế của bố mẹ cho các anh chị em vì anh chị em bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, đến nay không thể nói chuyện với nhau được. Bà H nộp cho Toà án "Bản di chúc" của cụ Lê Thị T1 lập ngày 06-9-2017 và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chia di sản thừa kế của bố mẹ cho bà, bà xin được chia bằng hiện vật đối với đất ao còn đất vườn và đất thổ thì nhận bằng tiền. Khi mất mẹ có để lại di chúc, đề nghị Toà án xem xét giải quyết để bảo đảm quyền lợi cho chị em bà.

Xét thấy, Ng đơn là cụ Lê Thị T1 khởi kiện yêu cầu Toà án buộc hộ ông T2 phải trả lại cho cụ toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn, ao và đất nông nghiệp mà hiện

tại hộ ông T2 đang sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Ng đơn là cụ Lê Thị T1 mất. Cụ T1 mất ngày 09/10/2017. Sau khi cụ T1 mất, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ T1 đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ. Nhưng, cấp sơ thẩm mới chỉ xem xét và chia phần di sản của cụ Phạm Uyên cho các đương sự mà không xem xét giải quyết đối với phần di sản của cụ Lê Thị T1. Đối với phần di sản của cụ T1, cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Minh T2 trả lại cho tất cả những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T1 (gồm bà Ng, ông Kh, bà Th, bà H, ông T2) trong khi các đương sự đang có mâu thuẫn, không thống nhất với nhau. Như vậy là đã bỏ sót yêu cầu của đương sự, không đảm bảo giải quyết triệt để vụ án.

Mặt khác, cụ Uyên mất từ năm 1978. Cụ T1 sống cùng với vợ chồng ông T2, đến năm 2005 cụ T1 mới tách hộ riêng. Cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh, thu thập chứng cứ, chưa xem xét đến công sức đóng góp, công sức duy trì bảo quản tôn tạo đối với di sản khi phân chia di sản thừa kế cho các đương sự. Tại phiên toà, bà Th, bà H xác nhận trên đất của bố mẹ để lại hiện có công trình xây dựng của vợ chồng ông T2, nhà của bà Th và nhà của cụ T1 cùng một số cây trồng trên đất. Bà Phạm Thị H nộp cho Toà án "Bản di chúc" của cụ Lê Thị T1 lập ngày 06-9-2017 và đề nghị Toà án xem xét giải quyết để bảo đảm quyền lợi cho chị em bà. Do vậy, cũng cần phải xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ về khối tài sản, công trình xây dựng có trên đất tranh chấp; nguồn gốc, công sức đóng góp từ đó mới có cơ sở giải quyết vụ án để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, mới giải quyết triệt để vụ án.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 28-5-2018 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định về vụ án "Tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa Ng đơn là cụ Lê Thị T1; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ng đơn là bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Tuấn Kh, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H, ông Phạm Minh T2 với bị đơn là ông Phạm Minh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

- UBND thị trấn Mỹ Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Mai Thị Minh Hồng